

Số: 1949 /VPCP- V.I

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

V/v thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về giám sát thi hành án hành chính.

Kính gửi:

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban Tư pháp của Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1051/NQ-UBTP14 ngày 10 tháng 01 năm 2018 thành lập Đoàn giám sát việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân (sao gửi kèm theo). Để triển khai thực hiện nghị quyết của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng báo cáo theo đề cương, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ ký báo cáo của Chính phủ gửi Đoàn giám sát; thay mặt Chính phủ làm việc với Đoàn giám sát và thực hiện các yêu cầu khác có liên quan đến cuộc giám sát.

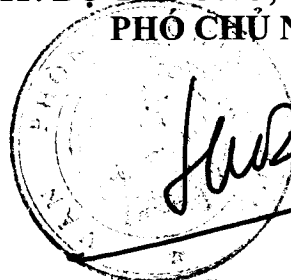
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo theo nội dung yêu cầu của phụ lục số 7 của Kế hoạch giám sát số 1052/KH-UBTP14 ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội và hướng dẫn của Bộ Tư pháp; báo cáo gửi Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 4 năm 2018 để tổng hợp xây dựng báo cáo của Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nơi Đoàn giám sát đến làm việc trực tiếp chuẩn bị báo cáo, tài liệu, cử đại diện lãnh đạo tham gia làm việc theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

3. Văn phòng Chính phủ cử đại diện lãnh đạo cấp Vụ tham gia Đoàn giám sát.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg và PTTg Trương Hòa Bình;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Duy Hưng, các Vụ: TH, QHĐP, PL, TCCB, Công TTĐT;
- Lưu: VT, V.I(3). TS 43

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM****Nguyễn Duy Hưng**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Số: 105/LN/Q-UBTP14

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

CÔNG VĂN ĐẾN

GiờC. Ngày ...12/1/.....

Kính chuyển:OKP.....

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát

“Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân”

ỦY BAN TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Chương trình giám sát của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội năm 2018;

Xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thành lập Đoàn giám sát của Ủy ban Tư pháp để giám sát chuyên đề về **“Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân”** (có danh sách kèm theo).

2. Đoàn giám sát gồm thành viên Ủy ban Tư pháp, đại diện các cơ quan hữu quan ở Trung ương và đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội nơi Đoàn đến giám sát.

Điều 2.

Đoàn giám sát có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch giám sát được ban hành kèm theo Nghị quyết này; báo cáo kết quả giám sát với Ủy ban Tư pháp và hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Tư pháp để gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

A. Tung

4/2 → V. I

Đ/c T. Sơn

22/2/2018

Điều 3.

Đoàn giám sát, Ủy ban Tư pháp, Thường trực Ủy ban Tư pháp, Vụ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: *L.*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch QH (để b/c);
- Các Phó CTQH: Ông Chu Lưu, Đỗ Bá Ty (để b/c);
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH (để phối hợp);
- Chính phủ, Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng – Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Trưởng Ban Nội chính Trung ương;
- Hội đồng nhân dân, Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc;
- Chủ tịch UBND, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc;
- Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đ/c thành viên Đoàn giám sát;
- Vụ TP (để t/h);
- Vụ PVHĐGS (để biết);
- Lưu: HC, TP.

E pas: 2746

TM. ỦY BAN TƯ PHÁP
CHỦ NHIỆM



Lê Thị Nga
Lê Thị Nga

THÀNH PHẦN
ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN TƯ PHÁP

“Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân”

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 1051/NQ-UBTVQH14
ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội)*

1. Bà **Lê Thị Nga**, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, Trưởng Đoàn;
2. Ông **Nguyễn Văn Luật**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, Phó Trưởng đoàn thường trực;
3. Ông **Nguyễn Công Hồng**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, Phó Trưởng đoàn;
4. Ông **Nguyễn Văn Pha**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, Phó Trưởng đoàn;
5. Ông **Nguyễn Mạnh Cường**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, Phó Trưởng đoàn;
6. Bà **Mai Thị Phương Hoa**, Ủy viên thường trực Ủy ban Tư pháp, thành viên;
7. Bà **Nguyễn Thị Thủy**, Ủy viên thường trực Ủy ban Tư pháp, thành viên;
8. Ông **Đỗ Đức Hồng Hà**, Ủy viên thường trực Ủy ban Tư pháp, thành viên;
9. Các thành viên Ủy ban Tư pháp, thành viên;
10. Đại diện lãnh đạo (từ cấp vụ trở lên) của Tòa án nhân dân tối cao, thành viên;
11. Đại diện lãnh đạo (từ cấp vụ trở lên) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thành viên;
12. Đại diện lãnh đạo (từ cấp vụ trở lên) của Bộ Tư pháp, thành viên, thành viên;
13. Đại diện lãnh đạo (từ cấp vụ trở lên) của Văn phòng Chính phủ, thành viên;
14. Đại diện lãnh đạo (từ cấp vụ trở lên) của Ban Nội chính TƯ, thành viên;
15. Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Đoàn đến giám sát, thành viên.

Tham mưu giúp việc cho Đoàn giám sát có các cán bộ Vụ Tư pháp – Văn phòng Quốc hội./.

QUỐC HỘI KHOA XIV
ỦY BAN TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số: 10527/KH-UBTP14

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ*C*... Ngày*12/11*.....

Kính chuyển:*Đ.T.T*.....

KẾ HOẠCH

Đ. Tang Giám sát “Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân”

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chương trình giám sát năm 2018 của Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Tư pháp xây dựng Kế hoạch giám sát chuyên đề “Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xem xét, đánh giá thực trạng việc tổ chức thực hiện và chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và một số vấn đề liên quan; kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật và nguyên nhân; kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết, thi hành loại án này.

2. Qua hoạt động giám sát nhằm giúp các cơ quan có thẩm quyền khắc phục kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

3. Việc tổ chức và hoạt động của Đoàn giám sát phải theo đúng quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; bảo đảm đúng nội dung, thời gian theo kế hoạch, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

II. ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ GIÁM SÁT

1. Các cơ quan ở Trung ương

- Chính phủ.
- Tòa án nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- Bộ Tư pháp.

2. Các cơ quan ở địa phương

- Ủy ban nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc* và một số địa phương khác khi cần thiết.

- Tại mỗi tỉnh, ngoài chương trình làm việc với các cơ quan hữu quan cấp tỉnh, Đoàn sẽ có 01 buổi làm việc với các cơ quan hữu quan của *01 đơn vị cấp huyện*.

Trân trọng đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn đơn vị cấp huyện được giám sát.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (thuộc trách nhiệm của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp)

2. Việc chấp hành pháp luật trong giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân

2.1. Thực trạng chấp hành pháp luật trong ban hành các quyết định hành chính, thực hiện các hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân; Thực trạng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tham gia tố tụng hành chính trong trường hợp quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân bị khiếu kiện và việc chấp hành các bản án, quyết định hành chính của Tòa án.

2.2. Thực trạng chấp hành pháp luật trong giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2.3. Thực trạng chấp hành pháp luật trong thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2.4. Thực trạng chấp hành pháp luật trong kiểm sát việc giải quyết, xét xử các

vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và trong kiểm sát việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về loại việc này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ GIÁM SÁT

1. Đối với Tòa án nhân dân

a) Tòa án nhân dân tối cao

- Xây dựng Báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 1** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **10/5/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Ủy ban Tư pháp, Đoàn giám sát và báo cáo, giải trình về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát thuộc trách nhiệm của ngành Tòa án nhân dân.

- Chỉ đạo các Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân các địa phương xây dựng báo cáo theo Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát đúng thời hạn.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan về các vụ án hành chính (trong trường hợp được Đoàn giám sát yêu cầu).

b) Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 2** của Đề cương và gửi báo cáo đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

c) Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Đoàn giám sát làm việc trực tiếp

- Xây dựng Báo cáo theo **Phụ lục số 3** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại địa phương.

2. Đối với Viện kiểm sát nhân dân

a) Viện kiểm sát nhân dân tối cao

- Xây dựng Báo cáo theo **Phụ lục số 4** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **10/5/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Ủy ban Tư pháp, Đoàn giám sát và báo cáo, giải trình về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát thuộc trách nhiệm của ngành Kiểm sát nhân dân.

- Chỉ đạo các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân các địa phương xây dựng báo cáo theo Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát đúng thời hạn.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan về các vụ án hành chính (trong trường hợp được Đoàn giám sát yêu cầu).

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 5** của Đề cương và gửi báo cáo đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi Đoàn giám sát làm việc trực tiếp

- Xây dựng Báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 6** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại địa phương.

3. Đối với Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục thi hành án dân sự

a) Chính phủ

- Xây dựng báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 7** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp) trước ngày **10/5/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử người có thẩm quyền tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Ủy ban Tư pháp, Đoàn giám sát và thực hiện các yêu cầu khác có liên quan đến cuộc

giám sát của Đoàn giám sát.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan về các vụ án hành chính (trong trường hợp được Đoàn giám sát yêu cầu).

b) Bộ Tư pháp

- Xây dựng báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 8** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp) trước ngày **10/5/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Ủy ban Tư pháp, Đoàn giám sát và báo cáo, giải trình về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát thuộc trách nhiệm của Bộ mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Đoàn giám sát làm việc trực tiếp

- Xây dựng báo cáo theo **Phụ lục số 9** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại địa phương.

d) Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi Đoàn giám sát làm việc trực tiếp

- Xây dựng báo cáo theo yêu cầu tại **Phụ lục số 10** của Đề cương và gửi đến Đoàn giám sát (qua Ủy ban Tư pháp của Quốc hội) trước ngày **09/3/2018** (gửi file điện tử của báo cáo đến địa chỉ mail: tungtd@qh.gov.vn; số Fax: 080.48494).

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại địa phương.

4. Các cơ quan cấp huyện nơi Đoàn giám sát làm việc trực tiếp

- Ủy ban nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện nơi Đoàn đến giám sát chuẩn bị báo cáo về các nội dung tương ứng với nội dung yêu cầu các cơ quan cấp tỉnh báo cáo theo Đề cương và gửi báo cáo khi Đoàn giám sát đến địa phương.

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia các buổi làm việc của Đoàn giám sát tại địa phương.

5. Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu

Báo cáo trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017 (từ ngày 01/10/2014 đến ngày 30/9/2017).

6. Đôn đốc việc chuẩn bị báo cáo và gửi báo cáo của các địa phương

Trân trọng đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Đoàn đến giám sát đôn đốc các cơ quan chịu sự giám sát tại địa phương chuẩn bị báo cáo theo Kế hoạch, Đề cương báo cáo và gửi đến Ủy ban Tư pháp của Quốc hội đúng thời hạn yêu cầu.

B. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

1. Tháng 12/2017 và đầu tháng 1/2018

- Ủy ban Tư pháp ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, xây dựng Kế hoạch giám sát và Đề cương Báo cáo chi tiết ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Thường trực Ủy ban Tư pháp triển khai Nghị quyết và Kế hoạch giám sát, thu thập, nghiên cứu các văn bản pháp luật, tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung giám sát.

2. Tháng 2 và đầu tháng 3/2018

- Tiếp nhận, tổng hợp và tổ chức nghiên cứu báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương chịu sự giám sát;

- Họp Đoàn giám sát để chuẩn bị làm việc với các cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát.

3. Cuối tháng 3 và tháng 4/2018

- Đoàn giám sát tổ chức các Đoàn công tác trực tiếp giám sát tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc* và một số địa phương khác (khi cần thiết); làm việc với Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng hợp kết quả giám sát tại các địa phương về việc giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

4. Tháng 5/2018

Tiếp nhận, tổng hợp và tổ chức nghiên cứu báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát ở Trung ương.

5. Tháng 7 và tháng 8/2018

- Chuẩn bị tài liệu và nội dung cụ thể làm việc với các cơ quan ở Trung ương liên quan đến nội dung giám sát.

- Đoàn giám sát làm việc với Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, Ngành hữu quan về kết quả giám sát, hoàn thiện kết luận giám sát.

- Xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả giám sát.

- Tổ chức họp toàn thể Ủy ban Tư pháp thảo luận, đánh giá về Báo cáo của Đoàn giám sát.

6. Tháng 9/2018

Hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.


Trên đây là kế hoạch giám sát chuyên đề “*Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân*” của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

Ủy ban Tư pháp trân trọng thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Chủ tịch QH (để b/c);
- Đ/c Ưông Chu Lưu, Phó Chủ tịch QH (để b/c);
- Đ/c Đỗ Bá Ty, Phó Chủ tịch QH (để b/c);
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH (để phối hợp);
- Chính phủ, Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng – Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Trưởng Ban Nội chính Trung ương;
- Hội đồng nhân dân, Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc;
- Chủ tịch UBND, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc;
- Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.
- Các Đ/c thành viên Đoàn giám sát;
- Vụ TP (để t/h);
- Vụ PVHĐGS (để biết);
- Lưu: HC, TP.
- E -pas: 2761

TM. ỦY BAN TƯ PHÁP
CHỦ NHIỆM





Lê Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 1052/KH-UBTP14
ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban Tư pháp)*

PHỤ LỤC SỐ 1.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO BÁO CÁO¹

I. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 của cơ quan chịu sự giám sát liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Đề nghị có phụ lục kèm theo, trong đó nêu rõ:

- Số lượng.
- Tên văn bản.
- Thẩm quyền ban hành.
- Thời gian ban hành.
- Đối với những văn bản chưa ban hành cần báo cáo rõ kế hoạch, tiến độ chuẩn bị và dự kiến ban hành.

2. Đánh giá kết quả, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II. Việc chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân

1. Tình hình, diễn biến việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Tổng số các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân đã được Tòa án các cấp thụ lý theo thủ tục sơ thẩm, trong đó:

- Số vụ án hành chính đã giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm;

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

- Số vụ án có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm (tỷ lệ %) và số vụ án hành chính đã giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Số vụ có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và số vụ đã giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa (phân tích kỹ do nguyên nhân chủ quan và do nguyên nhân khách quan).

3. Tình hình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số vụ án được tổ chức đối thoại.

- Số vụ án không tổ chức đối thoại được do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt.

- Số phiên tòa bị hoãn do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt.

- Số phiên tòa đã xét xử nhưng vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện).

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc xác minh, thu thập chứng cứ đối với các vụ án này.

- Số vụ án để quá hạn luật định và lý do.

- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/ tổng số các quyết định hành chính bị khiếu kiện (*tính theo số đã có hiệu lực pháp luật*).

- Số lượng hành vi hành chính bị Tòa án tuyên bố là trái pháp luật/ tổng số các hành vi hành chính bị khiếu kiện (*tính theo số đã có hiệu lực pháp luật*).

4. Tình hình thụ lý, giải quyết vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính.

5. Tổng số bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tuyên không rõ, khó thi hành (trong đó, số lượng các bản án đã được giải thích; số chưa được giải thích và lý do).

6. Tình hình người được thi hành án gửi đơn đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ra quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (Tổng số các quyết định buộc thi hành bản án, quyết

định của Tòa án được ban hành/Tổng số đơn đề nghị Tòa án ra quyết định buộc thi hành án).

7. Về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa sơ thẩm.
- Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.

- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án tuyên **hủy**.

- Tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.

- Số kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án tuyên **hủy, sửa**.

- Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử loại án này và kết quả thực hiện kiến nghị.

8. Tình hình phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính và trả lời của cơ quan có thẩm quyền đối với kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương VIII, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (nếu có):

- Số phát hiện, số kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

- Số trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

9. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết, xét xử, ra quyết định buộc thi hành án đối với các vụ án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

10. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xét xử của Tòa án đối với các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

11. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (nếu có).

PHỤ LỤC SỐ 2.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO BÁO CÁO¹

1. Tổng số các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân đã thụ lý, giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Tỷ lệ bản án bị hủy, sửa (phân tích rõ do nguyên nhân chủ quan và do nguyên nhân khách quan).

2. Tổng số vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân mà Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Số vụ án hành chính đã được TAND cấp cao giải quyết, xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Tỷ lệ bản án bị TAND cấp cao hủy, sửa (phân tích rõ do nguyên nhân chủ quan và do nguyên nhân khách quan).

3. Tình hình xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tại Tòa án nhân dân cấp cao:

- Số phiên tòa bị hoãn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt.

- Số phiên tòa đã xét xử nhưng vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện).

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc xác minh, thu thập chứng cứ đối với các vụ án này.

- Số vụ án để quá hạn luật định và lý do.

4. Tổng số bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tuyên không rõ, khó thi hành (trong đó, số lượng các bản án đã được giải thích; số chưa được giải thích và lý do).

5. Về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.

- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

- Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.
- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.
- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án tuyên **hủy**.
- Tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.
- Số kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án tuyên **hủy, sửa**.
- Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử loại án này và kết quả thực hiện kiến nghị.

6. Tình hình phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính và trả lời của cơ quan có thẩm quyền đối với kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương VIII, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (nếu có):

- Số phát hiện, số kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.
- Số trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

7. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

8. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xét xử của Tòa án đối với các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

9. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (nếu có).

PHỤ LỤC SỐ 3.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG BÁO CÁO¹

1. Tình hình, diễn biến việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng số các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân đã được Tòa án thụ lý theo thủ tục sơ thẩm, trong đó:

- Số vụ án hành chính đã giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm.
- Số vụ án có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm (tỷ lệ %) và số vụ án hành chính đã giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.
- Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa (phân tích rõ do nguyên nhân chủ quan và do nguyên nhân khách quan).

3. Tình hình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số vụ án được tổ chức đối thoại.
- Số vụ án không tổ chức đối thoại được do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt.
- Số phiên tòa bị hoãn do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt.
- Số phiên tòa đã xét xử nhưng vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện).
- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc xác minh, thu thập chứng cứ đối với các vụ án này.
- Số vụ án để quá hạn luật định và lý do.
- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/ tổng số các quyết định hành chính bị khiếu kiện (*tính theo số đã có hiệu lực pháp luật*).
- Số lượng hành vi hành chính bị Tòa án tuyên bố là trái pháp luật/ tổng số các hành vi hành chính bị khiếu kiện (*tính theo số đã có hiệu lực pháp luật*).

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

4. Số vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân mà TAND cấp tỉnh kiến nghị Chánh án TAND cấp cao, Chánh án TAND tối cao xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, trong đó:

- Số vụ án được người có thẩm quyền chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Số vụ án đã được TAND cấp cao, TAND tối cao giải quyết, xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Tỷ lệ các bản án bị TAND cấp cao, TAND tối cao hủy, sửa (phân tích rõ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan).

5. Về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa sơ thẩm.

- Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.

- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án tuyên **hủy**.

- Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử loại án này và kết quả thực hiện kiến nghị.

6. Tình hình thụ lý, giải quyết vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính.

7. Tổng số bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tuyên không rõ, khó thi hành (trong đó, số lượng các bản án đã được giải thích; số chưa được giải thích và lý do).

8. Tình hình người được thi hành án gửi đơn đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ra quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (Tổng số các quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án được ban hành/Tổng số đơn đề nghị Tòa án ra quyết định buộc thi hành án).

9. Tình hình phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính và trả lời của cơ quan có thẩm quyền đối với kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy

phạm pháp luật quy định tại Chương VIII, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (nếu có):

- Số phát hiện, số kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

- Số trả lời của cơ quan có thẩm quyền.

10. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết, xét xử, ra quyết định buộc thi hành án đối với các vụ án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

11. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xét xử của Tòa án đối với các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

12. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (nếu có).

PHỤ LỤC SỐ 4.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO BÁO CÁO¹

I. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 của cơ quan chịu sự giám sát liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Đề nghị có phụ lục kèm theo, trong đó nêu rõ:

- Số lượng.
- Tên văn bản.
- Thẩm quyền ban hành.
- Thời gian ban hành.
- Đối với những văn bản chưa ban hành cần báo cáo rõ kế hoạch, tiến độ chuẩn bị và dự kiến ban hành.

2. Đánh giá kết quả, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II. Về kiểm sát việc xét xử các vụ án hành chính

1. Tổng số vụ án Viện kiểm sát kiểm sát việc thụ lý, lập hồ sơ/ tổng số vụ Tòa án thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Về tình hình Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa sơ thẩm.

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

- Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.

3. Về tình hình kháng nghị của Viện kiểm sát đối với các bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp (tỷ lệ %).
- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp (tỷ lệ %).
- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.
- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án **hủy**.
- Tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.

- Số kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án **hủy, sửa**.

- Nêu rõ nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kháng nghị loại án này (như: số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án hủy, sửa; tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận...)

4. Các dạng vi phạm phổ biến của Tòa án trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

5. Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị.

6. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân trong việc kiểm sát các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

III. Về kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án

1. Tình hình chấp hành pháp luật trong thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Tổng số bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành.
- Tổng số bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành và lý do.
- Tổng số trường hợp Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án ra quyết định buộc thi hành án.

- Tổng số trường hợp Viện kiểm sát kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền đơn đốc thi hành bản án.

2. Những vi phạm pháp luật phổ biến trong công tác thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân. Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát về việc khắc phục vi phạm pháp luật và kết quả thực hiện.

PHU LUC SỐ 5.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO BÁO CÁO¹

1. Tổng số vụ án Viện kiểm sát kiểm sát việc thụ lý, lập hồ sơ/ tổng số vụ Tòa án thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Về tình hình Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân, cụ thể là: Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.

3. Về tình hình kháng nghị của Viện kiểm sát đối với các bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.
- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án *hủy*.
- Tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.
- Số kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án *hủy, sửa*.

- Nêu rõ nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kháng nghị loại án này (như: số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án hủy, sửa; tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận...)

4. Các dạng vi phạm phổ biến của Tòa án trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

5. Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị.

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

6. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân trong việc kiểm sát các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

PHỤ LỤC SỐ 6.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG BÁO CÁO¹

I. Về kiểm sát việc xét xử các vụ án hành chính

1. Tổng số vụ án Viện kiểm sát kiểm sát việc thụ lý, lập hồ sơ/ tổng số vụ Tòa án thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Về tình hình Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa sơ thẩm.

- Số phiên tòa phúc thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/ tổng số phiên tòa phúc thẩm.

3. Về tình hình kháng nghị của Viện kiểm sát đối với các bản án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp (tỷ lệ %).

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp (tỷ lệ %).

- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận.

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án *hủy*.

- Nêu rõ nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kháng nghị loại án này (như: số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát/ tổng số bản án bị Tòa án hủy; tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận...)

4. Các dạng vi phạm phổ biến của Tòa án trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

5. Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.

- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị.

6. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân trong việc kiểm sát các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II. Về kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án

1. Tình hình chấp hành pháp luật trong thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Tổng số bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành.
- Tổng số bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành và lý do.
- Tổng số trường hợp Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án ra quyết định buộc thi hành án.
- Tổng số trường hợp Viện kiểm sát kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền đơn đốc thi hành bản án.

2. Những vi phạm pháp luật phổ biến trong công tác thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân. Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát về việc khắc phục vi phạm pháp luật và kết quả thực hiện kiến nghị.

PHỤ LỤC SỐ 7.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHÍNH PHỦ BÁO CÁO¹

I. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 của cơ quan chịu sự giám sát liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Đề nghị có phụ lục kèm theo, trong đó nêu rõ:

- Số lượng.
- Tên văn bản.
- Thẩm quyền ban hành.
- Thời gian ban hành.
- Đối với những văn bản chưa ban hành cần báo cáo rõ kế hoạch, tiến độ chuẩn bị và dự kiến ban hành.

2. Đánh giá kết quả, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II. Việc chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân

1. Đánh giá thực trạng các quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bị khiếu kiện:

- Số lượng các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện.
- Những loại quyết định hành chính, hành vi hành chính *thường* bị khiếu kiện và chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện.

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/ tổng số các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

- Số lượng hành vi hành chính bị Tòa án tuyên bố là trái pháp luật/ tổng số các hành vi hành chính bị khiếu kiện.

- Đánh giá chung tình hình ban hành quyết định hành chính, tiến hành hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp (có số liệu cụ thể).

- Nêu rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc ban hành các quyết định hành chính, tiến hành các hành vi hành chính trái pháp luật thời gian qua.

- Đánh giá về tình hình khiếu kiện trên phạm vi cả nước đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Đánh giá thực trạng chấp hành pháp luật trong việc giải quyết vụ án hành chính:

- Số lượng trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) không tham gia phiên đối thoại, không tham gia phiên tòa/ tổng số vụ án hành chính giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính, tham gia tổ tụng hành chính.

3. Đánh giá thực trạng chấp hành pháp luật trong việc thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số lượng bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành; số lượng bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành và lý do, trong đó đề nghị cung cấp cụ thể các số liệu sau: số trường hợp tự nguyện thi hành án; số trường hợp phải có quyết định của Tòa án buộc thi hành mới thi hành án; số trường hợp dù đã có quyết định của Tòa án buộc thi hành nhưng vẫn chưa thi hành án.

- Việc xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành án hành chính, trong đó, nêu số người bị kỷ luật gắn với từng hình thức kỷ luật, số người bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật liên quan đến thi hành các bản án, quyết định hành chính loại việc này.

4. Về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Đã kiểm tra, đôn đốc và xử lý trách nhiệm đối với bao nhiêu người phải thi hành án thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 312 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Đã xử lý kỷ luật hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với bao nhiêu người đứng đầu cơ quan có hành vi chậm thi hành án, không chấp hành, chấp hành không đúng hoặc không đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật.

5. Tình hình thực hiện kiến nghị của Tòa án đối với việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình Tòa án xét xử các vụ án hành chính theo quy định tại Chương VIII của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

6. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ đối với chính quyền địa phương trong thi hành pháp luật tổ tụng hành chính; trách nhiệm của Chính phủ trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân không tham gia đối thoại, không tham gia phiên tòa và không thi hành các bản án, quyết định hành chính của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

7. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật (nếu có) và các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện pháp luật.

PHU LUC SỐ 8.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ BỘ TƯ PHÁP BÁO CÁO¹

I. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 của cơ quan chịu sự giám sát liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Đề nghị có phụ lục kèm theo, trong đó nêu rõ:

- Số lượng.
- Tên văn bản.
- Thẩm quyền ban hành.
- Thời gian ban hành.
- Đối với những văn bản chưa ban hành cần báo cáo rõ kế hoạch, tiến độ chuẩn bị và dự kiến ban hành.

2. Đánh giá kết quả, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015 liên quan đến việc giải quyết các vụ án hành chính khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II. Việc chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính, về thi hành án trong thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân

1. Báo cáo cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 313 Luật tố tụng hành chính năm 2015 (có số liệu kèm theo).

2. Số lượng kiến nghị của cơ quan thi hành án các cấp kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị.

3. Số lượng trường hợp người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân chậm thi hành án, không chấp hành, chấp hành không

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.
- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

đúng hoặc không đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án nhưng cơ quan thi hành án không ban hành kiến nghị.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật (nếu có) và các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện pháp luật.

PHỤ LỤC SỐ 9.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG BÁO CÁO¹

1. Báo cáo thực trạng các quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân bị khiếu kiện:

- Số lượng các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện.

- Những loại quyết định hành chính, hành vi hành chính *thường* bị khiếu kiện và chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện.

- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/ tổng số các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

- Số lượng hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân bị Tòa án tuyên bố là trái pháp luật/ tổng số các hành vi hành chính bị khiếu kiện.

- Đánh giá về tình hình ban hành quyết định hành chính, tiến hành hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Nêu rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc ban hành các quyết định hành chính, tiến hành hành vi hành chính trái pháp luật thời gian qua.

- Đánh giá về tình hình khiếu kiện tại địa phương đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Báo cáo thực trạng tình hình chấp hành pháp luật trong việc giải quyết vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân bị khiếu kiện:

- Số lượng trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) không tham gia đối thoại, không tham gia phiên tòa/ tổng số vụ án hành chính giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính, tham gia tố tụng hành chính.

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.

- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).

3. Báo cáo thực trạng tình hình chấp hành pháp luật trong việc thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số lượng bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành; số lượng bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành và lý do.

- Việc xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành án hành chính, trong đó, nêu số người bị kỷ luật gắn với từng hình thức kỷ luật, số người bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật liên quan đến thi hành các bản án, quyết định hành chính loại việc này.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật (nếu có) và các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện pháp luật.

PHỤ LỤC SỐ 10.

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG BÁO CÁO¹

1. Đánh giá thực trạng tình hình chấp hành pháp luật trong việc thi hành án hành chính liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số lượng bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành; số lượng bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành và lý do.

- Việc xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành án hành chính, trong đó, nêu số người bị kỷ luật gắn với từng hình thức kỷ luật, số người bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật liên quan đến thi hành các bản án, quyết định hành chính loại việc này.

2. Số lượng kiến nghị của cơ quan thi hành án kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị.

3. Số lượng trường hợp người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân chậm thi hành án, không chấp hành, chấp hành không đúng hoặc không đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án nhưng cơ quan thi hành án không ban hành kiến nghị.

4. Việc đề nghị Tổng cục thi hành án dân sự đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, xử lý trách nhiệm đối với các vụ việc thi hành án hành chính mà người phải thi hành án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trung ương.

5. Việc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cùng cấp liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

¹ Thời gian yêu cầu báo cáo và lấy số liệu:

- Tổng hợp số liệu trong 03 năm: 2015, 2016 và 2017.

- Tách số liệu cụ thể theo từng năm: năm 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/9/2015), năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) và năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017).